

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 10/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 02- 02- 2023.

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và
gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn

Ông Nguyễn Ngọc Vân

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân
huyện V, tỉnh Bắc Giang

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên
toà:* Bà **Nguyễn Thị Dương Quỳnh**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh
Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số
318/2022/TLST- HNGĐ ngày 03/11/2022 về “ *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”
theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 30 tháng
12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST- HNGĐ ngày 18
tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1994 (có mặt);

Cư trú tại: Thôn D, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994 (Triệu tập 02 lần vẫn vắng
mặt);

Cư trú tại: Thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này
nguyên đơn là chị Vũ Thị Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn ngày
18/12/2018, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.
Sau khi cưới chị về nhà anh M làm dâu ngay, sống cùng bố mẹ chồng, không có
thời gian ở riêng. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc sau xảy ra mâu
thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh M thường xuyên chơi cờ bạc, lơ đã, không

chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Chị và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh M không thay đổi. Mâu thuẫn xảy ra, chị về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Anh M không gọi chị về. Hai gia đình và chính quyền địa phương không hòa giải.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp: Vợ chồng không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn M là bị đơn: Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo làm việc và 02 lần niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh M đều cố tình trốn tránh khai báo, không chấp hành theo giấy báo và Thông báo của Tòa án.

Tại phiên tòa chị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị trình bày thêm: đầu năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, năm 2021 vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm kinh tế và chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

- Án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền:* Chị Vũ Thị Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Văn M là bị đơn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Anh Nguyễn Văn M là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án triệu tập lần 2 anh M đều vắng mặt. Căn

cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị Q và anh Nguyễn Văn M kết hôn ngày 18 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang là phù hợp với các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh M thường xuyên chơi cờ bạc, lơ đãng, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Chị Q và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh M không thay đổi. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2021 đến nay. Sự việc như vậy hai gia đình và chính quyền địa phương không hòa giải.

Kết quả xác minh gia đình anh M cung cấp: Do bố mẹ ly hôn nên anh M ở với mẹ. Anh M đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Anh M thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng anh M về thăm gia đình sau đó lại đi làm ăn.

Kết quả xác minh tại địa phương cung cấp: Qua kiểm tra cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, công dân Nguyễn Văn M sinh năm 1994; CMND số: 122212308 hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Anh M không làm thủ tục cắt chuyển khẩu đi nơi khác, không đăng ký tạm trú, tạm vắng qua Công an xã T. Anh M đi làm ăn xa, thường xuyên không có mặt ở địa phương, thỉnh thoảng anh M về thôn R thăm gia đình. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh M không chịu làm ăn. Chị Q và anh M mâu thuẫn địa phương không hòa giải.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị Q và anh M mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án niêm yết giấy báo; Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, anh M đều vắng mặt. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng chưa có con chung.

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. *Về con chung*: Vợ chồng chưa có con chung.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Vũ Thị Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006611 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị Q đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã T.

Bùi Thị Hương